CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 0209 /VSH-TCKT	*Quy Nhơn, ngày 05 tháng 3 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức : Công ty CP Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

- Mã chứng khoán: VSH
- Địa chỉ : 21 Nguyễn Huệ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định
- Điện thoại : (0256) 3892 792
- Fax : (0256) 3891 975

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH) công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp năm 2023 đã được kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VSH vào ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại đường dẫn: http://www.vshpc.evn.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;

- Giải trình biến động lợi nhuận trên BCTC kiểm toán năm 2023.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phụ trách Quản trị Công ty;
- Lưu: Văn thư, TCKT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4100562786-C.T.C.P. CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH T.P QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Văn Thanh

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
Digitally signed by CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
DN: C=VN, S=BÌNH ĐỊNH, L=Thành phố Quy Nhơn, CN=CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4100562786
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.05 18:34:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.2

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2023
Ông Trương Minh Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2023
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 11878879/66923335-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 5 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Nguyên Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5041-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.461.950.650.001**	**1.073.888.571.905**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***133.464.884.244***	***131.476.931.919***
111	1. Tiền		8.410.103.422	19.476.931.919
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.054.780.822	112.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***35.000.000.000***	***36.500.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	35.000.000.000	36.500.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.188.895.800.127***	***805.529.924.078***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.172.099.732.750	795.915.181.525
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.310.082.289	14.469.582.057
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.594.229.354	4.253.404.762
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***104.579.377.933***	***100.371.284.990***
141	1. Hàng tồn kho		104.579.377.933	100.371.284.990
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***10.587.697***	***10.430.918***
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	10.587.697	10.430.918
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.071.248.268.197**	**8.636.427.908.084**
220	***I. Tài sản cố định***		***8.006.791.209.445***	***8.565.416.947.570***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.006.791.209.445	8.565.416.947.570
222	Nguyên giá		12.261.165.038.909	12.236.895.716.741
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.254.373.829.464)	(3.671.478.769.171)
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***		***49.625.132.217***	***55.787.129.543***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	49.625.132.217	55.787.129.543
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***14.831.926.535***	***15.223.830.971***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.379.261.140	4.572.597.398
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.141.637.010	1.141.637.010
263	3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.311.028.385	9.509.596.563
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**9.533.198.918.198**	**9.710.316.479.989**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.938.334.085.728**	**4.683.946.064.429**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.193.995.410.086***	***567.662.419.508***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	137.607.100.168	167.199.747.742
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	118.499.708.519	163.806.105.163
314	3. Phải trả người lao động		17.175.350.670	33.772.798.379
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.531.758.082	61.707.052.430
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	714.756.815.271	4.347.265.981
320	6. Vay ngắn hạn	17	196.486.094.356	135.229.134.182
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	2.938.583.020	1.600.315.631
330	***II. Nợ dài hạn***		***3.744.338.675.642***	***4.116.283.644.921***
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	201.734.197.176	201.734.197.176
338	2. Vay dài hạn	17	3.542.604.478.466	3.914.549.447.745
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.594.864.832.470**	**5.026.370.415.560**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***19.1***	***4.594.864.832.470***	***5.026.370.415.560***
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.362.412.460.000*	*2.362.412.460.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.271.968.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.842.145.634.432	2.273.651.217.522
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*848.155.741.522*	*1.008.806.316.811*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm*		*993.989.892.910*	*1.264.844.900.711*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**9.533.198.918.198**	**9.710.316.479.989**

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
M.S.D.N: 4100562786-C.T.C.P
T.P QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20.1	**2.572.042.429.434**	**3.084.636.671.457**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	21	**(1.012.980.892.481)**	**(1.062.259.326.573)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.559.061.536.953**	**2.022.377.344.884**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	20.2	**5.448.167.589**	**6.538.128.898**
22	**5. Chi phí tài chính**	22	**(410.445.134.482)**	**(432.476.179.912)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(392.412.796.174)*	*(408.091.821.298)*
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	23	**(60.711.589.757)**	**(77.277.826.927)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.093.352.980.303**	**1.519.161.466.943**
31	**8. Thu nhập khác**	25	**155.967.975**	**3.433.773.463**
32	**9. Chi phí khác**	25	**(1.076.349.968)**	**(142.761.264.026)**
40	**10. Lỗ khác**	25	**(920.381.993)**	**(139.327.490.563)**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.092.432.598.310**	**1.379.833.976.380**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	26.1	**(98.442.705.400)**	**(114.989.075.669)**
52	**13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	26.3	**-**	**-**
60	**14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN**		**993.989.892.910**	**1.264.844.900.711**
61	**15. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		**993.989.892.910**	**1.264.844.900.711**
70	**16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	19.5	**4.208**	**5.320**
71	**17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	19.5	**4.208**	**5.320**

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
M.S.D.N: 4100562786 - C.T.C.P - T.P QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.092.432.598.310**	**1.379.833.976.380**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao	9	587.267.012.344	591.737.757.487
03	Các khoản dự phòng		-	922.472.349
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.621.277.430	20.765.870.051
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.308.708.204)	106.022.277.314
06	Chi phí lãi vay	22	392.412.796.174	408.091.821.298
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.080.424.976.054**	**2.507.374.174.879**
09	Tăng các khoản phải thu		(380.421.475.501)	(309.066.338.263)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(4.009.524.765)	1.613.938.428
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(32.160.569.934)	13.372.105.145
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		193.336.258	(1.279.470.128)
14	Tiền lãi vay đã trả		(448.786.760.522)	(595.563.730.113)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(129.991.365.669)	(97.760.747.269)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(7.045.534.688)	(12.144.366.172)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.078.203.081.233**	**1.506.545.566.507**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(46.765.912.824)	(158.817.314.115)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(35.000.000.000)	(104.500.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		36.500.000.000	107.273.701.370
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		5.078.150.877	5.974.954.516
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(40.187.761.947)**	**(150.068.658.229)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền nhận từ đi vay	17	-	10.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(327.303.628.961)	(1.051.156.837.917)
36	Cổ tức đã trả	19.4	(708.723.738.000)	(236.241.246.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.036.027.366.961)**	**(1.277.398.083.917)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**1.987.952.325**	**79.078.824.361**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**131.476.931.919**	**52.398.107.558**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**133.464.884.244**	**131.476.931.919**

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại Xã Ngok Tem, Huyện Kon plông, Tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH ("TVDV VSH")

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong TVDV VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TVDV VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 226 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 227).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("công ty mẹ") và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Các chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

- *Cổ tức*

  Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

  Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	51.186.972	628.941.810
Tiền gửi ngân hàng	8.358.916.450	18.847.990.109
Các khoản tương đương tiền *(*)*	125.054.780.822	112.000.000.000
TỔNG CỘNG	**133.464.884.244**	**131.476.931.919**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,0% đến 2,6%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	1.171.028.198.031	795.297.246.806
Phải thu từ khách hàng khác	1.071.534.719	617.934.719
TỔNG CỘNG	**1.172.099.732.750**	**795.915.181.525**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	4.725.312.781	4.725.312.781
Công ty TNHH Phương Đông	2.714.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	2.590.810.000	519.600.000
Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	2.288.048.379	2.288.048.379
DNTN Vân Trường	1.891.000.000	1.891.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.422.920.070	1.422.920.070
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Kon Tum	893.983.053	893.983.053
Các nhà cung cấp khác	4.784.008.006	2.728.717.774
TỔNG CỘNG	**21.310.082.289**	**14.469.582.057**
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
GIÁ TRỊ THUẦN	**12.201.838.023**	**5.361.337.791**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu người lao động	3.151.886.156	3.041.618.891
Lãi tiền gửi	1.439.894.313	1.209.336.986
Khác	2.448.885	2.448.885
TỔNG CỘNG	**4.594.229.354**	**4.253.404.762**

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	104.579.377.933	100.371.284.990

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.389.693.967.266	2.788.724.417.026	47.263.023.357	11.214.309.092	12.236.895.716.741
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành *(Thuyết minh số 10)*	643.935.807	2.193.000.000	2.149.473.400	-	4.986.409.207
Mua trong năm	196.512.727	16.993.994.149	6.288.821.784	375.162.560	23.854.491.220
Giảm trong năm	-	(3.100.447.046)	(833.565.091)	(637.566.122)	(4.571.578.259)
Số cuối năm	9.390.534.415.800	2.804.810.964.129	54.867.753.450	10.951.905.530	12.261.165.038.909
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*451.627.715.085*	*880.041.535.097*	*30.429.122.185*	*4.377.235.278*	*1.366.475.607.645*
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(2.522.538.733.460)	(1.108.605.745.856)	(34.907.169.895)	(5.427.119.960)	(3.671.478.769.171)
Khấu hao trong năm	(479.385.497.280)	(105.342.510.543)	(2.175.717.491)	(363.287.030)	(587.267.012.344)
Giảm trong năm	-	2.900.820.838	833.565.092	637.566.121	4.371.952.051
Số cuối năm	(3.001.924.230.740)	(1.211.047.435.561)	(36.249.322.294)	(5.152.840.869)	(4.254.373.829.464)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.867.155.233.806	1.680.118.671.170	12.355.853.462	5.787.189.132	8.565.416.947.570
Số cuối năm	6.388.610.185.060	1.593.763.528.568	18.618.431.156	5.799.064.661	8.006.791.209.445

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 89.567.920.524 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (*Thuyết minh số 17*).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.683.365.828.030 VND *(Thuyết minh số 17)*.

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu, đã được thanh toán trong năm. Nhóm Công ty đang trong quá trình giải chấp tài sản này.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum *(*)*	38.326.164.450	47.608.128.514
Khác	11.298.967.767	8.179.001.029
TỔNG CỘNG	**49.625.132.217**	**55.787.129.543**

(*) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	55.787.129.543	175.777.359.685
Tăng trong năm	8.215.466.854	19.887.098.243
Giảm tài sản xây dựng cơ bản dở dang *(Thuyết minh số 25)*	-	(99.473.267.506)
Điều chỉnh giảm do quyết toán một số hạng mục dở dang	(9.391.054.973)	(26.325.607.371)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình *(Thuyết minh số 9)*	(4.986.409.207)	(14.078.453.508)
Số cuối năm	49.625.132.217	55.787.129.543

11. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 6,2%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi ngân hàng để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 17*).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cho người bán	137.607.100.168	162.174.078.525
- Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	*84.420.271.971*	*84.420.271.971*
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 47	*41.097.513.768*	*41.097.513.768*
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	*-*	*20.000.000.000*
- Khác	*12.089.314.429*	*16.656.292.786*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	-	5.025.669.217
TỔNG CỘNG	**137.607.100.168**	**167.199.747.742**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.989.075.669	98.442.705.400	(129.991.365.669)	43.440.415.400
Thuế giá trị gia tăng	31.721.487.513	233.535.226.278	(244.715.154.975)	20.541.558.816
Thuế tài nguyên	25.131.491.891	210.172.347.981	(208.211.510.123)	27.092.329.749
Phí dịch vụ môi trường rừng	28.830.011.040	78.981.666.372	(84.218.570.604)	23.593.106.808
Thuế thu nhập cá nhân	3.123.608.132	8.707.153.644	(8.009.051.727)	3.821.710.049
Thuế khác	-	20.241.310.781	(20.241.310.781)	-
TỔNG CỘNG	**163.795.674.245**	**650.080.410.456**	**(695.386.963.879)**	**118.489.120.822**
Trong đó				
Phải thu	*(10.430.918)*			*(10.587.697)*
Phải trả	*163.806.105.163*			*118.499.708.519*

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay trích trước	6.531.758.082	61.707.052.430

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**714.756.815.271**	**4.347.265.981**
Phải trả cổ tức *(*)*	708.879.648.200	151.606.700
Phải trả khác	5.877.167.071	4.195.659.281
Dài hạn	**201.734.197.176**	**201.734.197.176**
Phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng *(**)*	201.734.197.176	201.734.197.176
TỔNG CỘNG	**916.491.012.447**	**206.081.463.157**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	*589.188.081.000*	-
Phải trả các bên khác	*327.302.931.447*	*206.081.463.157*

(*) Đây là khoản tiền phải trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1509/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty đã điều chỉnh kế hoạch trả cổ tức năm 2023 bằng tiền là 30% trên vốn điều lệ, và Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt tạm ứng 30% cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông thông qua Nghị quyết số 1511/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2023.

(**) Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G ("Tổ hợp nhà thầu") liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.

17. VAY

VND

	Số đầu năm	*Trả tiền vay*	*Phân loại lại*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**135.229.134.182**	**(136.303.628.961)**	**195.355.044.749**	**2.205.544.386**	**-**	**196.486.094.356**
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 17.1)*	107.229.134.182	(108.303.628.961)	195.355.044.749	2.205.544.386	-	196.486.094.356
Trái phiếu đến hạn trả	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-	-	-	-
Dài hạn	**3.914.549.447.745**	**(191.000.000.000)**	**(195.355.044.749)**	**11.415.733.044**	**2.994.342.426**	**3.542.604.478.466**
Trái phiếu	188.005.657.574	(191.000.000.000)	-	-	2.994.342.426	-
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 17.1)*	3.726.543.790.171	-	(195.355.044.749)	11.415.733.044	-	3.542.604.478.466
TỔNG CỘNG	**4.049.778.581.927**	**(327.303.628.961)**	**-**	**13.621.277.430**	**2.994.342.426**	**3.739.090.572.822**

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Hợp đồng*	*Ngày đến hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định *(i)*	682.579.914.217	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8,5%-10,9%
	494.882.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8,0%-10,4%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum *(i)*	639.010.146.384	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8,3%-10,9%
	228.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2028 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	7,8%-10,4%
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai *(i)*	363.753.562.524	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8,3%-10,9%
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Thành phố Thủ Đức *(i)*	429.453.149.186	Số 04/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2024 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,85%-12,05%
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Bình Định *(i)*	389.063.500.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2024 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,9%-12,05%

17. VAY (tiếp theo)

17.1 *Vay ngân hàng dài hạn* (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Nguyên tệ (USD)*	*Ngày đến hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich *(ii)*	422.138.851.803	17.297.228,11	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	Điều khoản SORF+ 2,97%/năm+ Chênh lệch tín dụng (0,42826%/năm)	Bảo lãnh từ BIDV - Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gởi tiết kiệm 35 tỷ VND *(Thuyết minh số 12)*
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ *(iii)*	89.980.450.708	3.770.235,90	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 89.567.920.524 VND *(Thuyết minh số 9)*
TỔNG CỘNG	**3.739.090.572.822**	**21.067.464,01**			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	*196.486.094.356*
Vay dài hạn	*3.542.604.478.466*

(i) Những khoản vay này nhằm mục đích đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Nhóm Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai, ACB - Chi nhánh Bình Định và HDBank - Chi nhánh Hiệp Phú (nay là HDBank – Chi nhánh Tp. Thủ Đức), trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản từ Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV - Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich - Áo với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.

(ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Nhóm Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich tại Áo. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với nhà cung cấp Andritz Hydro GmbH.

(iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Nhóm Công ty đã nhận bàn giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	1.600.315.631	1.927.023.901
Trích từ lợi nhuận sau thuế	8.048.000.000	11.748.630.000
Sử dụng quỹ trong năm	(7.045.534.688)	(12.144.366.172)
Các nguồn tăng khác	335.802.077	69.027.902
Số cuối năm	2.938.583.020	1.600.315.631

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.257.731.792.811	4.010.450.990.849
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.264.844.900.711	1.264.844.900.711
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.748.630.000)	(11.748.630.000)
Thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(935.600.000)	(935.600.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(236.241.246.000)	(236.241.246.000)
Số cuối năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.273.651.217.522	5.026.370.415.560
Năm nay						
Số đầu năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.273.651.217.522	5.026.370.415.560
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	993.989.892.910	993.989.892.910
Trích lập quỹ, khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	-	-	-	(8.048.000.000)	(8.048.000.000)
Cổ tức *(*)*	-	-	-	-	(708.723.738.000)	(708.723.738.000)
Tạm ứng cổ tức (**)	-	-	-	-	(708.723.738.000)	(708.723.738.000)
Số cuối năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.842.145.634.432	4.594.864.832.470

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 367/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1509/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty đã điều chỉnh kế hoạch trả cổ tức năm 2023 bằng tiền là 30% trên vốn điều lệ, và Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt tạm ứng 30% cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông thông qua Nghị quyết số 1511/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2023.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị VND	*% sở hữu*	*Giá trị VND*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.242.129.780.000	52,58	1.231.954.780.000	52,15
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	233.297.240.000	9,88	233.297.240.000	9,88
Các cổ đông khác	165.154.950.000	6,99	175.329.950.000	7,42
TỔNG CỘNG	**2.362.412.460.000**	**100,00**	**2.362.412.460.000**	**100,00**

19.3 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Số lượng	*Số lượng*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu phổ thông	*236.241.246*	*236.241.246*
Cổ phiếu đang lưu hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu phổ thông	*236.241.246*	*236.241.246*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 *Cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố trong năm	**(1.417.447.476.000)**	**236.241.246.000**
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022: 3.000 VND/ cổ phiếu (2021: 1.000 VNĐ/cổ phiếu)	708.723.738.000	236.241.246.000
Cổ tức năm 2023 được phê duyệt: 3.000 VND/ cổ phiếu	708.723.738.000	-

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	993.989.892.910	1.264.844.900.711
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi *(VND) (*)*	-	(8.048.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	993.989.892.910	1.256.796.900.711
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	236.241.246	236.241.246
Lãi trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*		
Lãi cơ bản	*4.208*	*5.320*
Lãi suy giảm	*4.208*	*5.320*

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Số 367/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính của báo cáo tài chính hợp nhất.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán điện cho bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	2.571.342.429.434	3.084.636.671.457
Doanh thu khác	700.000.000	-
TỔNG CỘNG	**2.572.042.429.434**	**3.084.636.671.457**

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.308.708.204	5.904.975.530
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	139.459.385	633.153.368
TỔNG CỘNG	**5.448.167.589**	**6.538.128.898**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao	586.679.700.768	591.164.310.124
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	307.246.465.353	352.380.222.733
Chi phí nhân viên	69.645.211.186	71.491.593.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.370.678.301	7.612.486.864
Chi phí khác	41.038.836.873	39.610.713.313
TỔNG CỘNG	**1.012.980.892.481**	**1.062.259.326.573**

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	392.412.796.174	408.091.821.298
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.621.277.430	20.765.870.051
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	218.048.452	700.076.615
Khác	4.193.012.426	2.918.411.948
TỔNG CỘNG	**410.445.134.482**	**432.476.179.912**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	30.207.450.277	42.712.985.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.455.090.573	7.852.459.752
Thuế, phí và lệ phí	1.394.400.690	862.268.540
Chi phí vật liệu quản lý	587.654.037	614.016.545
Chi phí khấu hao	587.311.576	589.129.186
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	-	922.472.349
Khác	19.479.682.604	23.724.495.161
TỔNG CỘNG	**60.711.589.757**	**77.277.826.927**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao	587.267.012.344	591.737.757.487
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	307.246.465.353	352.380.222.733
Chi phí nhân viên	99.852.661.463	114.204.578.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.825.768.874	15.464.946.616
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	7.779.216.694	4.585.587.015
Chi phí nguyên vật liệu	6.674.865.965	11.722.138.741
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	-	922.472.349
Chi phí khác	48.046.491.545	48.519.449.626
TỔNG CỘNG	**1.073.692.482.238**	**1.139.537.153.500**

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**155.967.975**	**3.433.773.463**
Doanh thu từ thanh lý vật tư, thiết bị	70.181.818	3.412.366.363
Khác	85.786.157	21.407.100
Chi phí khác	**1.076.349.968**	**142.761.264.026**
Chi phí vụ kiện	700.000.000	28.885.873.950
Phạt hành chính	376.349.968	439.358.117
Giảm tài sản xây dựng cơ bản dở dang *(Thuyết minh số 10)*	-	99.473.267.506
Điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang do quyết toán các hạng mục dở dang	-	13.357.398.884
Khác		605.365.569
LỖ KHÁC	**(920.381.993)**	**(139.327.490.563)**

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	98.440.415.400	114.989.075.669
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	2.290.000	-
Chi phí thuế TNDN	**98.442.705.400**	**114.989.075.669**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.092.432.598.310**	**1.379.833.976.380**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	218.486.519.662	275.966.795.276
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	768.834.555	30.255.983.276
Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại	1.741.733	2.476.048
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	2.290.000	-
Thuế TNDN được miễn	(120.677.073.607)	(177.569.495.025)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	(13.527.076.963)
Khác	(139.606.943)	(139.606.943)
Chi phí thuế TNDN	**98.442.705.400**	**114.989.075.669**

26.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TDNN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

26.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	***1.141.637.010***	***1.141.637.010***	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám Đốc - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng
Ông Trần Công Đàm	Giám đốc Chi nhánh
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	2.571.342.429.434	3.084.636.671.457
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Chia cổ tức	372.638.934.000	119.195.478.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	216.549.147.000	72.183.049.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Thanh toán trái phiếu	153.000.000.000	307.000.000.000
		Lãi vay và lãi trái phiếu	4.732.939.727	36.323.394.518
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Thanh toán trái phiếu	66.000.000.000	126.000.000.000
		Lãi trái phiếu	2.783.824.658	15.051.975.341

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	1.171.028.198.031	795.297.246.806
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị	Sử dụng dịch vụ	-	5.025.669.217
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Chia cổ tức	372.638.934.000	-
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	216.549.147.000	-
			589.188.081.000	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Trái phiếu	-	153.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Trái phiếu	-	66.000.000.000
			-	**219.000.000.000**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

VND

	Chức vụ	*Năm nay*	*Năm trước*
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		**4.607.163.330**	**4.346.681.409**
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	1.266.738.690	1.195.341.409
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	1.172.211.600	1.105.860.000
Ông Dương Tấn Tưởng	Thành viên	841.695.120	794.050.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	841.695.120	794.050.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	161.607.600	152.460.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	161.607.600	152.460.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	161.607.600	152.460.000
Thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		**1.907.828.740**	**3.313.030.731**
Thu nhập của Ban Kiểm soát		**590.201.640**	**1.037.988.000**
Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng BKS đến ngày 29 tháng 3 năm 2023	210.423.780	794.052.000
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS từ ngày 29 tháng 3 năm 2023	153.527.220	121.968.000
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	129.286.080	121.968.000
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên từ ngày 29 tháng 3 năm 2023	96.964.560	-
TỔNG CỘNG		**7.105.193.710**	**8.697.700.140**

28. CÁC VỤ KIỆN TỤNG

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến TAND Thành phố Hà Nội để yêu cầu TAND buộc Tổng Công ty Bảo hiểm PVI phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 43.150.320.450 VND.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2021, vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội thụ lý.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Quy Nhơn ("vụ C47")

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2023, TAND Thành phố Quy Nhơn đã thụ lý vụ Công ty Cổ phần Xây dựng 47 ("C47") kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền là 20.022.998.985 VND.

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2023, TAND Thành phố Quy Nhơn đã gửi văn bản yêu cầu triệu tập những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2023, Công ty đã nộp đơn phản tố đến TAND Thành phố Quy Nhơn, buộc C47 phải thánh toán cho VSH số tiền là 27.942.434.969 VND.

Tháng 8 năm 2023, TAND Thành phố Quy Nhơn đã thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty nhằm giải quyết chung trong vụ kiện C47.

Vào ngày 21 tháng 2 năm 2024, đã diễn ra phiên hòa giải đầu tiên giữa Công ty và C47 tại TAND Thành phố Quy Nhơn. Tuy nhiên các bên đã hòa giải không thành.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và không trọng yếu, theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 28, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2024